

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HS-ST
Ngày 14 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VINH PHÚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mậu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Quỳnh và ông Ngô Duy Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn, Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Hợp Châu, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh ngày 18/10/1988; nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; Đảng, đoàn thể: không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Trần Thị H và có 01 con; quá trình hoạt động của bản thân: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/9/2023 đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 25/02/1991; nơi cư trú: Thôn Y, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; Đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr và bà Trần Thị T1, vợ, con: Chưa có; quá trình hoạt động của bản thân: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/9/2023 đến nay (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn Y, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 ngày 01/9/2023, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn Đ đang cùng làm thợ xây ở thị trấn T thì Đ nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên rủ D cùng là đối tượng nghiện mua ma túy về cùng nhau sử dụng, D đồng ý. Đ đưa cho D số tiền 600.000đ của Đ góp với D và bảo D đi mua ma túy rồi sử dụng điện thoại di động có gắn thẻ sim số 0966.731.191 nhắn tin SMS đến số điện thoại 0984.761.421 cho một người phụ nữ bán ma túy ở thị trấn Thổ Tang, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc với nội dung “*Tí thằng D nó về thì nó gọi e nghe máy nha khoảng*

8h30 đến 9h”, ý nói là tí có D về mua ma túy. Sau đó, Đ cho D số điện thoại người phụ nữ này và bảo D đi đến thị trấn Thổ Tang liên hệ gặp mua ma túy, D đồng ý. Do xe mô tô của D đã cũ không thể đi được đường dốc T nên D mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, chưa có biển kiểm soát mà Đ sử dụng để đi mua ma túy, Đ đồng ý. D một mình điều khiển xe mô tô đến thị trấn Thổ Tang, trên đường đi, D nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng cùng Đ ngoài ra sẽ bán kiếm lời nên sử dụng điện thoại của mình số thuê bao 0961.567.375 gọi điện thoại đến số của người phụ nữ mà Đ cung cấp hỏi mua 2.000.000đ tiền ma túy Heroine, người phụ nữ này đồng ý và hẹn D đến gần Trạm y tế thị trấn Thổ Tang để trao đổi mua bán ma túy. Khi đến điểm hẹn, D gọi điện thoại thì người phụ nữ một mình đi xe máy ra gặp D. Tại đây, D lấy số tiền 2.000.000đ đưa cho người phụ nữ, người này cầm tiền và đưa cho D một túi nilon màu trắng bên trong có chứa ma túy Heroine, nói với D là mua 2.000.000đ được 10 gói ma túy nhưng cho thêm 01 gói. Tổng số ma túy D mua được là 11 gói. Sau khi mua được ma túy, D cất vào túi quần bên phải và điều khiển xe mô tô về thị trấn T để sử dụng cùng Đ và có ai hỏi mua thì bán kiếm lời. Khi đi đến đoạn đường quốc lộ 2B thuộc TDP N Hoàng, thị trấn Hợp Châu, huyện T thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang và thu giữ các vật chứng gồm: Thu giữ tại túi quần bên phải của D 01 túi nilong màu trắng bên trong có 11 gói nilon màu trắng, bên trong 11 gói nhỏ này đều chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy Heroine (niêm phong vào phong bì thư ký hiệu M1); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, xe không gắn biển kiểm soát; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia.

Ngày 02/9/2023, Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp nhà ở của Nguyễn Văn D ở thôn K, xã B, huyện V nhưng không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Ngày 02/9/2023, Cơ quan điều tra đã Giữ người trong trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn Đ, tạm giữ của Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K.

Tại bản kết luận giám định số 2444 ngày 05/9/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: *“Chất bột dạng cục màu trắng của mẫu ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,2239g, loại Heroine (Heroin)...”*. Hoàn trả lại mẫu vật còn lại sau giám định cho cơ quan trưng cầu gồm: M1 = 1.1754g và toàn bộ bao gói niêm phong.

Tại Kết luận giám định số: 3106/KL-KTHS ngày 16/11/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc (đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của Nguyễn Văn D), kết luận: *Khôi phục, trích xuất được dữ liệu đối với mẫu vật cần giám định. Qua phân tích, tìm kiếm dữ liệu theo yêu cầu giám định thu được kết quả: 235 cuộc gọi và 15 tin nhắn SMS từ ngày 30/8/2023 đến hết ngày 01/9/2023. Toàn bộ dữ liệu được thể hiện trong phụ lục giám định.*

Nghiên cứu kết luận giám định thấy trong ngày 01/9/2023 xuất hiện tin nhắn SMS lúc 19 giờ 35 phút ngày 01/9/2023 từ số thuê bao 0984.761.421 gửi đến số thuê bao 0961.567.375 của Nguyễn Văn D với nội dung *“Đang có người k tiện nghe ok nha về đến trạm xá nt Cho e”*. Quá trình điều tra xác định nội dung tin nhắn trên là của người phụ nữ nhắn tin cho D để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số: 3107/KL-KTHS Ngày 16/11/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có bản kết luận (đối với chiếc điện thoại di

động nhãn hiệu OPPO của Nguyễn Văn Đ): *Khôi phục, trích xuất được dữ liệu đối với mẫu vật cần giám định. Qua phân tích, tìm kiếm dữ liệu theo yêu cầu giám định thu được kết quả: 107 cuộc gọi và 51 tin nhắn SMS từ ngày 30/8/2023 đến hết ngày 01/9/2023. Toàn bộ dữ liệu được thể hiện trong phụ lục giám định.*

Nghiên cứu kết luận giám định thấy trong ngày 01/9/2023 xuất hiện tin nhắn SMS lúc 19 giờ 03 phút ngày 01/9/2023 từ số thuê bao 0966.731.191 của Nguyễn Văn Đ gửi đến số thuê bao 0984.761.421 với nội dung “*Tí thằng D nỏ về thì nó gọi e nghe máy nho khoảng 8h30 đến 9h*”. Quá trình điều tra xác định nội dung tin nhắn trên là của Nguyễn Văn Đ nhắn cho người phụ nữ bán ma túy là có D đến gặp để mua ma túy.

Tại Cáo trạng số: 22/CT-VKSTĐ ngày 23/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Nguyễn Văn D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Văn Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 02 thẻ sim và toàn bộ mẫu vật sau giám định; trả lại 01 xe mô tô cho bà Trần Thị T1; tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại của các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, thể hiện:

Khoảng 20 giờ ngày 01/9/2023, tại công trình xây dựng ở thị trấn T, huyện T, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Nguyễn Văn Đ rủ bạn nghiện là Nguyễn Văn D, cung cấp địa điểm, số điện thoại người bán ma túy, cho mượn xe máy và

góp 600.000đ với D để D đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Sau khi mua được tổng cộng 11 gói ma túy heroine có khối lượng 1,2239g của một người phụ nữ tại thị trấn Thổ Tang, huyện V với giá 2.000.000đ, D cất giấu trong túi quần đi về thị trấn T mục đích cùng Đ sử dụng, còn lại sẽ bán kiếm lời nhưng mục đích bán kiếm lời D không nói cho Đ biết. Khoảng 23 giờ cùng ngày, khi D đi đến tổ dân phố N Hoàng, thị trấn Hợp Châu, huyện T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai người liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Hành vi của bị cáo D đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật qui định:

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy.

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

Hành vi của bị cáo Đ đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật qui định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine.... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”;

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Ma túy là tệ nạn xã hội cần phải loại bỏ ra khỏi đời sống xã hội. Ngoài ra ma túy là nguyên nhân ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, sói mòn đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc, ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, bị cáo D bị bắt quả tang khi đang tàng trữ ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời nên, hành vi của bị cáo D là tàng trữ và mua bán trái phép chất ma túy nên D phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo Đ là người khởi xướng, bàn bạc với D về việc góp tiền mua ma túy về cùng nhau sử dụng (nhưng Đ không biết ngoài mục đích D mua ma túy về sử dụng chung với Đ D còn mục đích để kiếm lời của D), cung cấp thông tin, phương tiện cho D để đi mua ma túy và biết số lượng ma túy D mua nên Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với khối lượng ma túy mà bị cáo D tàng trữ khi bị bắt quả tang.

Xét nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy. Bị cáo trước khi phạm tội đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét

giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Tuy nhiên, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Đối với người phụ nữ sử dụng số điện thoại 0984.761.421 đã bán ma túy cho bị cáo D vào tối ngày 01/9/2023. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Đ khai được bạn bè xã hội (không nhớ ai) giới thiệu và cho số điện thoại của người phụ nữ này nói là có ma túy bán, bản thân bị cáo Đ chỉ liên hệ với người này qua điện thoại, chưa gặp mặt bao giờ; bị cáo D khai không quen biết người phụ nữ này, thời điểm gặp để mua ma túy ngày 01/9/2023 do trời tối nên không rõ đặc điểm nhân dạng của người này. Quá trình điều tra xác định, người đứng tên đăng ký số thuê bao 0984.761.421 là Nguyễn Thị Thuý N, sinh năm 2005 ở Đội 2 (tổ dân phố Đ), thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập nhưng N vắng mặt tại gia đình, địa phương hiện không rõ đang làm gì, ở đâu nên chưa làm việc được. Do việc bán ma túy diễn ra tại thị trấn Thổ Tang, huyện V thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an huyện V nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã Quyết định tách hành vi, tài liệu liên quan đến người phụ nữ trên chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V điều tra theo thẩm quyền là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với mẫu giám định Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn trả lại sau giám định gồm: Mẫu M1 = 1.1754g và toàn bộ bao gói niêm phong không có giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0961.567.375 là tài sản của Nguyễn Văn D; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0966.731.191 là tài sản của Nguyễn Văn Đ. Các bị cáo sử dụng làm phương tiện, liên lạc trao đổi mua bán trái phép ma túy nên đối với 02 chiếc điện thoại cần tịch thu, bán phát mại sung quỹ Nhà nước; đối với 02 thẻ sim cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, không gắn biển kiểm soát là tài sản thuộc sở hữu của bà Trần Thị T1 (mẹ đẻ bị cáo Đ). Bà T1 mua vào tháng 7/2023, bằng nguồn tiền của bà T1 nhưng chưa làm thủ tục đăng ký. Sau khi mua xe, bà T1 cho bị cáo Đ mượn làm phương tiện đi làm. Ngày 01/9/2023, bị cáo Đ cho bị cáo D mượn xe làm phương tiện đi mua ma túy, bà T1 không biết nên cần trả lại tài sản cho bà T1 là phù hợp.

[7] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 02/9/2023).

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình

sự: Phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 02/9/2023).

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy mẫu vật sau giám định gồm: 1,1754g ma túy và bao gói niêm phong; 02 thẻ sim.

- Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, không gắn biển kiểm soát, có số máy JA39E-3217834, số khung RLHJA3925PY567419 cho bà Trần Thị T1.

- Tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia của bị cáo Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của bị cáo Nguyễn Văn Đ.

(Có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/3/2024).

3. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Bị cáo Nguyễn Văn D và bị cáo Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Mâu Văn Mùi